

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS - ST

Ngày: 28 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua  
bán và vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phùng Như

2. Ông Hà Bửu Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2020/TLST - DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*1.1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc E, sinh năm: 1954 (văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021, có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 100A, khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* Bà Võ Thị Cẩm L, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1973 (tên thường gọi Bảy H, có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2020 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Ngọc E là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc T là chủ cửa hàng bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tại khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26/10/2016, bà T bắt đầu bán thức ăn gia súc cho bà L, việc mua bán hai bên đều có ghi sổ tự theo dõi.

Ngày 01/8/2017, hai bên kết toán nợ, bà L nợ bà T tiền mua thức ăn gia súc là 188.703.200 đồng, tính tròn là 188.703.000 đồng; trong ngày 01/8/2017, bà L tiếp tục mua thức ăn gia súc của bà T nợ là 12.215.000 đồng, tổng cộng bà L nợ tiền mua thức ăn gia súc bà T là 200.918.000 đồng. Bà T yêu cầu bà L phải trả trước số tiền là 50.000.000 đồng, khoản tiền còn lại sẽ tính toán sau nhưng bà L không có khả năng thanh toán nên bà L nhờ bà T hỏi vay tiền dùm là 50.000.000 đồng để thanh toán nợ cho bà T và được bà T đồng ý.

Sau đó, bà T hỏi vay tiền của bà Bảy H tức là bà Trần Thị H là 50.000.000 đồng, việc vay tiền dùm có viết biên nhận đề ngày 01/8/2017, bà L ký tên; sau khi vay được tiền hai bên thống nhất bà T không giao số tiền vay dùm cho bà L mà căn trừ vào khoản tiền mua bán bà L còn nợ. Như vậy, bà L nợ bà T tiền mua thức ăn gia súc là 150.918.000 đồng, tiền vay dùm là 50.000.000 đồng và thỏa T bà L phải trả tiền lãi là 12%/ năm, tương ứng với khoản nợ nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán và vay tài sản (trước ngày 23/10/2017, không xác định được thời gian cụ thể). Bà L và bà T thỏa T: Bà T bắt 08 con heo của bà L, trị giá là 23.214.000 đồng để khấu trừ vào tiền mua thức ăn, bà L gửi trả cho bà T tiền vay dùm là 20.000.000 đồng và bà L gửi trả cho bà T số tiền là 10.000.000 đồng (không nói trả khoản nợ nào) nên bà T tự trừ vào tiền mua thức ăn là 5.000.000 đồng và trừ vào tiền vay dùm là 5.000.000 đồng.

Như vậy, sau khi khấu trừ và trả nợ, bà L còn nợ bà T tiền mua thức ăn gia súc là 122.704.000 đồng và tiền vay dùm là 25.000.000 đồng, theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả cho bà khoản nợ nêu trên. Đồng thời, yêu cầu bà L phải trả tiền lãi theo thỏa thuận là 12%/ năm, kể từ ngày 01/8/2017 cho đến ngày Tòa án xét

xử.

Về tiền lãi, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà L phải trả tiền lãi, kể từ ngày 01/01/2018 cho đến ngày xét xử, đối với khoản tiền vay dùm là 12%/ năm, đối với khoản nợ mua thức ăn gia súc là 09%/ năm.

Đối với khoản tiền vay dùm bà T đã thanh toán xong cho bà H, nhằm chia sẻ về hoàn cảnh gia đình khó khăn và tạo điều kiện cho bà L có thời gian thanh toán nợ, phía nguyên đơn tự nguyện chưa yêu cầu thi hành án trong thời hạn 03 tháng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau ba tháng nếu bà L chưa thanh toán nợ nguyên đơn sẽ yêu cầu thi hành bản án theo quy định, không đồng ý không tính tiền lãi theo đề nghị của bà L.

*Bà Võ Thị Cẩm L là bị đơn trình bày:*

Bà thừa nhận lời trình bày của ông E người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về hợp đồng mua bán, vay tài sản, về việc khấu trừ nợ, trả nợ và các thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà có ý kiến như sau: Bà thừa nhận và đồng ý trả cho bà T tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 122.704.000 đồng và tiền vay dùm còn nợ là 25.000.000 đồng nhưng một năm sau sẽ thanh toán. Về tiền lãi, đề nghị phía nguyên đơn xem xét không tính tiền lãi, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

*Theo bản tự khai bà Trần Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ngày 01/8/2017, bà T hỏi vay tiền của bà và nói vay dùm người khác, bà đồng ý nên cho bà T vay số tiền là 50.000.000 đồng, bà T viết biên nhận nợ 01/8/2017 với người vay giao cho bà giữ để làm tin. Sau này (không xác định được thời gian cụ thể), bà T đã thanh toán xong khoản tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận cho bà và bà đã giao lại bản chính biên nhận nợ ngày 01/8/2017 cho bà T, bà không ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án. Đồng thời, đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Cẩm L phải trả tiền mua thức ăn gia súc, tiền vay dùm còn nợ, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Cẩm L là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bà Trần Thị H có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định: Trong thời gian từ ngày 26/10/2016 cho đến ngày 01/8/2017, hai bên thực hiện giao dịch mua bán và vay tài sản, quá trình thực hiện hợp đồng sau khi khấu trừ và trả nợ (trước ngày 23/10/2017), bà L thừa nhận vẫn còn nợ bà T tiền mua thức ăn gia súc là 122.704.000 đồng và tiền vay là 25.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ xác định hai bên có xác lập hợp đồng mua bán và vay tài sản với nhau là sự thật, hợp đồng mua bán và vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với tiền vốn còn nợ: Mặc dù, quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, vay tài sản và khi kết toán nợ, khấu trừ nợ, trả nợ hai bên không có lập biên bản cụ thể với nhau nhưng qua đối chiếu sổ tự ghi để theo dõi của hai bên tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, bà L thống nhất xác định còn nợ bà T tiền mua thức ăn gia súc là 122.704.000 đồng và tiền vay dùm là 25.000.000 đồng. Như vậy, việc bà L cam kết trả nợ cho bà T (sau khi kết toán nợ) và cho đến nay bà L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T là vi phạm về hợp đồng mua bán, vay tài sản và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả cho bà T khoản nợ nêu trên nhưng hẹn một năm sau sẽ thanh toán nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Vì vậy, căn cứ vào Điều 428, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 430, Điều 440, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà T tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 122.704.000 đồng và tiền vay dùm còn nợ là 25.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu và đề nghị về tiền lãi: Hai bên thừa nhận hợp đồng mua bán và vay tài sản có thỏa thuận trả tiền lãi là 12%/ năm (sau khi kết toán nợ), bà L nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị phía nguyên đơn xem xét không tính tiền lãi nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận.

Cho nên, việc nguyên đơn yêu cầu bà L phải trả tiền lãi tương ứng với tiền vốn, kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử: Đối với hợp đồng mua bán là 09%/ năm phù

hợp theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với hợp đồng vay tài sản là 12%/ năm phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu về tiền lãi của bà T đối với bà L là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi đối với hợp đồng mua bán và vay tài sản, kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/5/2021 là 1.244 ngày, cụ thể như sau:

$122.704.000 \text{ đồng} \times 09\% \times 1.244 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 37.638.191 \text{ đồng}$ , tính tròn là 37.638.000 đồng.

$25.000.000 \text{ đồng} \times 12\% \times 1.244 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 10.224.657 \text{ đồng}$ , tính tròn là 10.225.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà T: Tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 122.704.000 đồng và tiền lãi là 37.638.000 đồng; tiền vay còn nợ là 25.000.000 đồng và tiền lãi là 10.225.000 đồng. Bà L nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản để thực hiện nghĩa vụ sẽ được xem xét khi thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn tự nguyện chưa yêu cầu thi hành bản án đối với bà L trong thời hạn ba tháng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn ba tháng nếu bà L chưa thanh toán nợ, nguyên đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự tự nguyện của nguyên đơn không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.120.000 đồng.

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận là:  $122.704.000 \text{ đồng} + 37.638.000 \text{ đồng} + 25.000.000 \text{ đồng} + 10.225.000 \text{ đồng} = 195.567.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.778.350 \text{ đồng}$ , tính tròn là 9.778.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 428, Điều 438, Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản đối với bà Võ Thị Cẩm L. Buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà T các khoản tiền, cụ thể như sau:

Tiền vốn mua thức ăn gia súc là 122.704.000 đồng và tiền lãi là 37.638.000 đồng, tổng cộng là 160.342.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tiền lãi là 10.225.000 đồng, tổng cộng là 35.225.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện chưa yêu cầu thi hành bản án đối với bà L trong thời hạn ba tháng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.120.000 đồng (năm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), do Nguyễn Thị Ngọc Y nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005572 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Võ Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.778.000 đồng (chín triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Võ Thị Cẩm L có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 28/5/2021. Bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**